TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2019/KDTM – PT

Ngày: 16 - 7 - 2019

V/v Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với thành viên công ty.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Xuân Điền**

Ông **Nguyễn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hải An**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Nguyễn Xuân Thanh**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2019/TLPT-KDTM ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc "*Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với thành viên công ty"*. Do bản kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 23 - 11 - 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 622/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Trần C**, sinh năm 1986; trú tại: Tổ dân phố TB, phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Hằng N**, sinh năm 1983; trú tại: số 83/2 đường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông **Cao Mạnh T**; Trú tại: số 40/46 Cư xá Lữ Gia, phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1963; trú tại: Tổ dân phố 6, phường Tân Hòa, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

+ **Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng H1**; Địa chỉ: Lô C01 - 03 Khu công nghiệp H2, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn H**, 1963; Trú tại: Tổ dân phố 6, phường TB, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

+ **Công ty cổ phần K**; Địa chỉ: Thôn 12, xã H2, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn H**, 1963; Trú tại: Tổ dân phố 6, phường Tân Hòa, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

+ Bà **Nguyễn Thị Hồng P**; trú tại: Tổ dân phố TB, phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

+ **Văn phòng công chứng Đ**; địa chỉ: số 38 đường Ng, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Trần C

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Người đại diện theo ủy quyền trước đây của nguyên đơn là bà Lưu Thị Thu H2 trình bày*:

Ngày 23/01/2018, ông Cao Mạnh T chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trần C 45% giá trị máy nghiền đá với giá 2.700.000.000đ. Để có tiền thanh toán cho việc mua máy nghiền đá thì ông C làm thủ tục chuyển nhượng 200.000 cổ phần tương đương 10% vốn góp của ông tại công ty cổ phần K cho ông T theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 23/01/2018. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần thì mới phát hiện ra máy nghiền đá nêu trên thuộc sở hữu của Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng H1 chứ không phải thuộc quyền sở hữu của ông T. Ngay sau khi phát hiện, ông C làm văn bản hủy bỏ toàn bộ việc chuyển nhượng trên gửi cho ông T và công ty cổ phần K. Ông T đã nhận được yêu cầu hủy bỏ nên không thực hiện việc sang nhượng cổ phần.

Ngoài ra, ngày 09/02/2018, ông C có vay của ông T 1.600.000.000 đồng , lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay từ ngày 09/02/2018 đến ngày 09/02/2019, theo văn bản thỏa thuận ngày 09/02/2018. Để đảm bảo khoản vay ông T buộc ông C phải chuyển nhượng 200.000 cổ phần của ông C tại công ty cổ phần K thông qua

hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 09/02/2018. Ông C khẳng định giấy giao nhận tiền ngày 09/02/2018 là do vợ chồng ông viết và ký nhận. Tuy nhiên, thực tế ông C chỉ vay của ông T 900.000.000đ, phần còn lại trừ vào tiền lãi nhưng ông C không có tài liệu chứng cứ chứng minh.

Ngày 08/6/2018, công ty cổ phần K tiến hành đại hội cổ đông, ông C mới phát hiện ra ông T dùng số cổ phần của ông C thế chấp cho ông T để bầu lại thành viên hội đồng quản trị làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông C.

Do đó, ông C khởi kiện đề nghị Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông Nguyễn Trần C với ông Cao Mạnh T lập ngày 23/01/2018; hủy giá trị pháp lý giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 009/GCNSHCP-K đứng tên Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng H1; hủy hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông Nguyễn Trần C với ông Cao Mạnh T lập ngày 09/02/2018; hủy giá trị pháp lý giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 010/GCNSHCP- K cấp cho ông T.

Ngoài các yêu cầu nêu trên thì ông C không yêu cầu thêm nội dung nào khác.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày*:

Bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N cùng với ông Nguyễn Trần C có đến Công ty cổ phần H1 để xin đầu tư vào máy nghiền đá của Công ty H1 được đặt tại mỏ đá D2, Buôn K, thôn 12, xã H2, Thành phố B. Sau khi đạt được thỏa thuận thì giữa ông Nguyễn Trần C với ông Cao Mạnh T thống nhất để ông C đầu tư số tiền 2.700.000.000đ (tương đương với 45% giá trị máy nghiền đá). Do ông C không có tiền nên ông C đồng ý chuyển nhượng cho ông Cao Mạnh T (đại diện cho công ty cổ phần H1) 200.000 cổ phần của ông C tại Công ty cổ phần K để đầu tư vào 45% giá trị máy nghiền đá. Ngày 23/01/2018 Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng H1 được cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 009/GCNSHCP-K.

Ngày 09/02/2018, giữa ông T với ông C tiếp tục xác lập hợp đồng chuyển nhượng cổ phần đối với 200.000 cổ phần của ông C tại Công ty cổ phần K, giá chuyển nhượng 1.600.000.000đ. Hợp đồng chuyển nhượng được lập thành văn bản và có công chứng tại Văn phòng công chứng Đ. Sau khi hợp đồng được công chứng thì ông T đã giao số tiền 1.600.000.000đ cho ông C (theo giấy giao nhận tiền ngày 09/02/2018). Công ty cổ phần K đã phát hành giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 010/GCNSHCP-K ngày 08/02/2018, tên cổ đông Cao Mạnh T.

Nay ông C khởi kiện đề nghị Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông Nguyễn Trần C với ông Cao Mạnh T ngày 23/01/2018; hủy giá trị

pháp ly giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 009/GCNSHCP-K đứng tên Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng H1; hủy hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông Nguyễn Trần C với ông Cao Mạnh T ngày 09/02/2018; hủy giá trị pháp lý giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 010/GCNSHCP- K tên cổ đông Cao Mạnh T. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Vì việc chuyển nhượng cổ phần giữa các bên đã được Văn phòng công chứng Đ công chứng theo quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu của ông C là không có căn cứ.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng H1 trình bày:

Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng H1 có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 6001513527, đăng ký lần đầu ngày 25/11/2015, đại diện theo pháp luật ông Tô Minh T1, do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp. Ngày 23/01/2018 giữa Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng H1 (do ông Cao Mạnh T làm đại diện) với ông Nguyễn Trần C xác lập hợp đồng chuyển nhượng cổ phần đối với 200.000 cổ phần của ông C tại công ty cổ phần K, giá chuyển nhượng 2.700.000.000 đồng, phương thức thanh toán công ty cổ phần khoáng sản xây dựng H1 cho ông C đầu tư vào 45% giá trị máy nghiền đá của Công ty. Sau khi ký hợp đồng ngày 23/01/2018 Công ty cổ phần K phát hành giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 009/GCNSHCP- K cho công ty cổ phần khoáng sản xây dựng H1. Máy nghiền đá đặt tại mỏ đá D2 là thuộc sở hữu của công ty H1. Trước khi chuyển nhượng 45% giá trị máy cho ông Nguyễn Trần C thì công ty H1 đã họp hội đồng quản trị thông qua cử ông Cao Mạnh T làm người đại diện công ty đứng ra làm thủ tục chuyển nhượng với ông Nguyễn Trần C. Việc chuyển nhượng của các bên đúng theo quy định của pháp luật. Công ty không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần K là ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày:

Công ty cổ phần K hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 6000740573, đăng ký lần đầu ngày 09/8/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 06/7/2018, người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn Đ1, do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Ngày 23/01/2018 ông Nguyễn Trần C với công ty cổ phần khoáng sản xây dựng H1 (do ông Cao Mạnh T đại diện) ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần đối với 200.000 cổ phần của ông C tại công ty cổ phần K, giá chuyển nhượng

2.700.000.000đ, phương thức thanh toán công ty cổ phần khoáng sản xây dựng H1 cho ông C đầu tư vào 45% giá trị máy nghiền đá của Công ty. Sau khi ký hợp đồng ngày 23/01/2018 Công ty cổ phần K phát hành giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 009/GCNSHCP-K cho công ty cổ phần khoáng sản xây dựng H1.

Ngày 09/02/2018 giữa ông T với ông C tiếp tục xác lập hợp đồng chuyển nhượng cổ phần đối với 200.000 cổ phần của ông C tại Công ty cổ phần K, giá chuyển nhượng 1.600.000.000đ. Hợp đồng chuyển nhượng được lập thành văn bản và có công chứng tại Văn phòng công chứng Đ. Công ty cổ phần K đã phát hành giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 010/GCNSHCP-K ngày 08/02/2018, tên cổ đông Cao Mạnh T.

Khi chuyển nhượng cổ phần đã được sự chấp thuận của Hội đồng cổ đông của công ty cổ phần K.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

Bà P là vợ của ông Nguyễn Trần C, bà P đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Trần C và không có bổ sung gì thêm. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Đ - ông Đỗ Văn Chính trình bày:

Ngày 09/02/2018 ông Nguyễn Trần C với ông Cao Mạnh T có đến Văn phòng công chứng Đ đề nghị văn phòng công chứng hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Sau khi xem xét hồ sơ đã đầy đủ và yêu cầu của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội. Văn phòng đã giải thích rõ cho các bên về hậu quả pháp lý của việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, các bên đã đọc lại hợp đồng và đồng ý ký tên trước mặt công chứng viên. Do đó, việc công chứng hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 002463 ngày 09/02/2018 đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật, ý chí và nguyện vọng của các bên tham gia ký kết. Nay ông Nguyễn Trần C yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 002463 ngày 09/02/2018 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì lý do công việc nên phía Văn phòng công chứng Đ xin từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án, từ chối tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 23 - 11 - 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 3 Điều 38 BLTTDS năm 2015; Điều 119, Điều 126 Luật doanh nghiệp năm 2014; Nghị

quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trần C về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông Nguyễn Trần C với ông Cao Mạnh T ngày 23/01/2018; hủy giá trị pháp lý giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 009/GCNSHCP-K do công ty cổ phần K phát hành ngày 23/01/2018; hủy hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông Nguyễn Trần C với ông Cao Mạnh T ngày 09/02/2018; hủy giá trị pháp lý giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 010/GCNSHCP-K do công ty cổ phần K phát hành ngày 08/02/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, quy định về thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 06/12/2018, nguyên đơn ông Nguyễn Trần C kháng toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Trần C do bà Đỗ Thị Hằng N đại diện theo ủy quyền giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bà Đỗ Thị Hằng N cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xem xét chứng cứ không khách quan gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Nguyễn Trần C nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trần C hủy hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông Nguyễn Trần C với ông Cao Mạnh T ngày 23/01/2018; hủy giá trị pháp lý giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 009/GCNSHCP-K do Công ty cổ phần K phát hành ngày 23/01/2018; hủy hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông Nguyễn Trần C với ông Cao Mạnh T ngày 09/02/2018; hủy giá trị pháp lý giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 010/GCN SHCP-K do Công ty cổ phần K phát hành ngày 08/02/2018.

Bị đơn ông Cao Mạnh T do ông Nguyễn Văn H đại diện theo ủy quyền cho rằng hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông Nguyễn Trần C với ông Cao Mạnh T trên cơ sở tự nguyện, hoàn toàn đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Trần C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật và

đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Trần C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngày 23/01/2018 giữa ông Nguyễn Trần C với ông Cao Mạnh T (ông T đại diện cho Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng H1) đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần đối với 200.000 cổ phần của ông C tại Công ty cổ phần K, giá chuyển nhượng 2.700.000.000 đồng, phương thức thanh toán Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng H1 cho ông C đầu tư vào 45% giá trị máy nghiền đá của Công ty (Hợp đồng được bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N, chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần K ký xác nhận). Cùng ngày 23/01/2018, Công ty cổ phần K phát hành giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 009/GCNSHCP-K cho Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng H1. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đỗ Thị Hằng N cho rằng ông Nguyễn Trần C chỉ ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với ông Cao Mạnh T, nhưng thực tế ông T chỉ là người đại diện của Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng H1 và tại giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đứng tên Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng H1 là phù hợp.

Xét hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và giấy chứng nhận sở hữu cổ phần nói trên là hoàn toàn tự nguyện, do bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần K trực tiếp ký và xác nhận là hoàn toàn hợp pháp.

[2]. Ngày 09/02/2018 giữa ông Nguyễn Trần C với ông Cao Mạnh T đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần có chứng thực của Văn phòng công chứng Đ. Tại giấy giao nhận tiền ngày 09.02.2018 ông T đã giao cho ông C 1.600.000.000 đồng. Ông C ghi đã nhận đủ tiền và cùng vợ là bà Nguyễn Thị Hồng P ký vào giấy. Công ty cổ phần K phát hành giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 010/GCNSHCP-K ngày 08/02/2018 chứng nhận tên cổ đông ông Cao Mạnh T với số lượng 200.000 cổ phần. Ông C cho rằng hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông C với ông T là nhằm đảm bảo khoản vay 1.600.000.000 đồng giữa ông T với ông C trước đó, nhưng không có chứng cứ nào thể hiện khoản vay và không được phía ông T thừa nhận. Mặt khác, tại văn bản thỏa thuận giữa ông Nguyễn Trần C với ông Cao Mạnh T được Văn phòng công chứng Đ chứng thực ngày 09/02/2018 có nội dung thỏa thuận: Ngày 09/02/2018 ông C có chuyển nhượng cho ông T cổ phần của mình tại Công ty cổ phần K số lượng 200.000 cổ

phần. Tổng giá trị theo mệnh giá 2.000.000.000 đồng, giá chuyển nhượng 1.600.000.000 đồng. Trong thời hạn một năm kể từ ngày 09/02/2018, ông C phải trả tiền lãi 1%/tháng đối với số tiền 1.600.000.000 đồng vào ngày mồng 9 hàng tháng và trả số tiền gốc 1.600.000.000 đồng vào ngày 09/02/2019 cho ông T. Nếu thực hiện đúng điều kiện này thì ông T sẽ làm thủ tục sang tên lại cho ông C toàn bộ số cổ phần nêu trên. Nếu không thực hiện đúng điều kiện này, ông C sẽ không được quyền nhận lại số cổ phần từ ông T và không được nhận lại bất kỳ khoản tiền lãi nào đã trả cho ông T (nếu có).

Như vậy, việc ông C chuyển nhượng cổ phần cho ông T là tự nguyện đã được Văn phòng công chứng Đ chứng thực là hợp pháp.

Sau khi xét xử sơ thẩm, phía nguyên đơn đã cung cấp giấy nộp tiền ngày 02/4/2018 với số tiền 32.000.000 đồng và giấy nộp tiền ngày 30/01/2019 với số tiền 1.760.000.000 đồng tại Ngân hàng Á Châu để thanh toán cho ông Cao Mạnh T. Nhưng xét, vụ án này do ông Nguyễn Trần C là người khởi kiện, số tiền 1.760.000.000 đồng nộp sau khi xét xử sơ thẩm. Phía bị đơn không đồng ý và xin được tách ra để giải quyết sau. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để giải quyết, các bên tự giải quyết hoặc khởi kiện bằng vụ án khác.

Từ những chứng cứ đã được phân tích trên, Hội đồng xét xử Tòa án cấp phúc thẩm có đủ cơ sở khẳng định: Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trần C về việc yêu cầu hủy các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và giấy chứng nhận sở hữu cổ phần nói trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Trần C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Nguyễn Trần C phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Trần C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 3 Điều 38 BLTTDS năm 2015; Điều 119, Điều 126 Luật doanh nghiệp năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trần C về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông Nguyễn Trần C với ông Cao Mạnh T ngày 23/01/2018, hủy giá trị pháp lý giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 009/GCNSHCP-K do Công ty cổ phần K phát hành ngày 23/01/2018, hủy hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông Nguyễn Trần C với ông Cao Mạnh T ngày 09/02/2018, hủy giá trị pháp lý giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số 010/GCNSHCP-K do Công ty cổ phần K phát hành ngày 08/02/2018.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Trần C phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Được trừ 2.000.000 đồng ông Nguyễn Trần C đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0012703 ngày 19/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm